

## QUAN NIỆM DUY VẬT VỀ LỊCH SỬ CỦA C.MÁC VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

VŨ VĂN VIÊN(\*)

*Trên cơ sở làm rõ những nội dung căn bản trong quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác với tư cách học thuyết về con đường lịch sử - tự nhiên trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, trong bài viết này, tác giả đã chỉ ra và luận giải giá trị gợi mở của quan niệm này đối với con đường phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa và công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay; đồng thời đề xuất một số quan điểm định hướng cho quá trình tiếp tục đổi mới tư duy qua thực tiễn đổi mới đất nước những năm vừa qua.*



i lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - đó là con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đã lựa chọn. Sự lựa chọn này không phải là ngẫu nhiên, mà được xây dựng trên cơ sở di sản lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và dựa trên tính chất đặc thù của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, khi vận dụng một cách không giáo điều, máy móc, di sản lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã có những đổi mới căn bản trong quan niệm về quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước. Để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và con đường đã lựa chọn, *một mặt*, chúng ta cần phải bám sát thực tiễn thế giới và đất nước; *mặt khác*, phải hiểu cặn kẽ và vận dụng sáng tạo những di sản lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là *quan niệm duy vật về lịch sử* của C.Mác.

**1. Quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác và con đường lịch sử - tự nhiên trong sự phát triển của xã hội loài người**

Trước khi chủ nghĩa Mác ra đời đã có nhiều cách lý giải khác nhau về sự phát

triển của xã hội loài người. Song, những quan niệm này, về thực chất, đều đứng trên lập trường duy tâm trong việc xem xét xã hội, nên không thể phát hiện ra các quy luật khách quan trong sự phát triển của xã hội loài người. Chỉ đến khi chủ nghĩa Mác ra đời, mà một trong những cống hiến vĩ đại của C.Mác là quan niệm duy vật về lịch sử, mới đem lại một công cụ khoa học để nghiên cứu về các hiện tượng xã hội nói chung, về con đường phát triển của xã hội loài người nói riêng. Đánh giá về vị trí, vai trò của phát minh này, Ph.Ăngghen đã viết: "Hai phát hiện vĩ đại ấy - quan niệm duy vật lịch sử và việc bóc trần bí mật của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa nhờ giá trị thặng dư - là công lao của Mác. Nhờ hai phát hiện ấy, chủ nghĩa xã hội đã trở thành một khoa học và giờ đây vấn đề trước hết là phải tiếp tục nghiên cứu nó trong mọi chi tiết và mọi mối liên hệ tương hỗ của nó"(1).

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng phòng Logic học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.45.

Việc C.Mác phát minh ra quan niệm duy vật về lịch sử, hay nói chính xác hơn, việc C.Mác áp dụng triệt để chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc xem xét các hiện tượng xã hội, theo V.I.Lênin, đã khắc phục được những khuyết điểm căn bản của các lý luận lịch sử trước kia. *Một là*, những lý luận này cùng lắm thì cũng chỉ xem xét những động cơ tư tưởng trong hoạt động lịch sử của con người, mà không nghiên cứu căn nguyên của những động cơ đó, không phát hiện ra tính quy luật khách quan trong sự phát triển hệ thống các quan hệ xã hội và không nhận thấy trình độ phát triển của sản xuất vật chất là nguồn gốc của các quan hệ ấy. *Hai là*, những lý luận trước kia đã không nói đến chính ngay hành động của quần chúng nhân dân. Quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác đã giúp chúng ta “nghiên cứu một cách chính xác như khoa lịch sử tự nhiên” những điều kiện xã hội của đời sống quần chúng và sự biến đổi của những điều kiện ấy... Nó mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của các hình thái kinh tế - xã hội. Như vậy, không chỉ khắc phục những hạn chế của các lý luận trước kia, quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác còn trở thành một khoa học có hiệu quả nhất trong việc xem xét các hiện tượng xã hội(2). Đúng như V.I.Lênin đã nhận xét, “Hiện nay - từ khi bộ “Tư bản” ra đời - quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý đã được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra được một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và sự

phát triển của một hình thái xã hội nào đó... thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ là đồng nghĩa với khoa học xã hội. Chủ nghĩa duy vật không phải “chủ yếu là một quan niệm khoa học về lịch sử”..., mà là một quan niệm khoa học duy nhất về lịch sử”(3).

Từ những ý kiến của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta có thể khẳng định rằng, cho đến nay, quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác vẫn là một quan niệm duy nhất khoa học về các quá trình xã hội và chính quan điểm này đã tạo ra một cuộc cách mạng trong khoa học nghiên cứu về xã hội loài người. Cũng từ đây, mọi hiện tượng xã hội cũng như bản thân sự phát triển của xã hội loài người được nghiên cứu trên một cơ sở lý luận khoa học - quan niệm duy vật về lịch sử của C.Mác.

Vậy, thực chất của quan niệm duy vật về lịch sử là gì? Về điều này, chính C.Mác đã trình bày một cách rõ ràng và cô đọng trong *Lời tựa của Góp phần phê phán khoa học kinh tế - chính trị*(4). Trong sự trình bày của C.Mác, chúng ta có thể rút ra một số kết luận có tính chất nguyên lý như sau:

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, phương thức sản xuất vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung.

2. Trong sản xuất, con người có những quan hệ nhất định - quan hệ sản xuất. Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Lực

(2) Xem: V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.26. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tr.68 - 69.

(3) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.1, tr.166.

(4) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.13, tr.13 - 18.

lượng sản xuất phát triển đến một mức độ nhất định sẽ mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất đã có. Từ chỗ là hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất ấy đã kìm hãm sự phát triển của nó và khi đó, cách mạng xã hội sẽ diễn ra để thay thế xã hội này bằng xã hội khác.

3. Toàn bộ quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội hay cơ sở hạ tầng, trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng và khi cơ sở hạ tầng thay đổi thì kiến trúc thượng tầng cũng thay đổi "ít nhiều nhanh chóng".

4. Sự phát triển của xã hội là sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội thấp bằng hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

Trong những kết luận trên, cần nhấn mạnh thêm rằng, ý thức xã hội, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng phụ thuộc vào tồn tại xã hội, vào lực lượng sản xuất và vào cơ sở hạ tầng, song chúng cũng có tính độc lập tương đối và có tác động trở lại đối với tồn tại xã hội, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Trong quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội có một vị trí đặc biệt. Nó vạch ra phương thức tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Sự phát triển này đã được C.Mác chỉ rõ là sự thay thế những hình thái kinh tế - xã hội thấp bằng những hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Sự thay thế này, theo C.Mác, không phải diễn ra một cách tùy tiện, mà diễn ra như một quá trình lịch sử - tự nhiên. C.Mác viết: "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"(5). Sau này, V.I.Lênin cũng đã khẳng định quan

điểm trên đây của C.Mác, khi viết: "Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ra mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"(6).

Một vấn đề đặt ra là, vậy thì thực chất của quá trình lịch sử - tự nhiên là thế nào? Trước hết, phải thấy rằng, cũng như tự nhiên, sự phát triển của xã hội loài người phải tuân theo các quy luật khách quan. Nếu như các quy luật tự nhiên phản ánh những mối liên hệ khách quan vốn có của tự nhiên, thì các quy luật xã hội phản ánh những mối liên hệ khách quan vốn có của xã hội loài người. Các quy luật này tồn tại và tác động không phụ thuộc vào ý thức của con người. Những quy luật ấy đã được phản ánh trong các luận điểm nói trên của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là trình độ của lực lượng sản xuất quyết định các quan hệ sản xuất và đến lượt mình, các quan hệ sản xuất lại quyết định các quan hệ xã hội và kiến trúc thượng tầng. Nếu muốn có một quan niệm đầy đủ hơn thì cần phải thấy rằng, sự phát triển của xã hội loài người luôn tuân theo các nguyên lý của quan niệm duy vật về lịch sử mà C.Mác đã xây dựng.

Hai là, cũng trong những luận điểm trên, chúng ta còn thấy rằng, xét đến cùng, sự phát triển của xã hội luôn phụ thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất có tính chất động, liên tục

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr.21.

(6) V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.1., tr.163.

phát triển và mang tính kế thừa. Do vậy, sự phát triển của xã hội, sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội thấp bằng các hình thái kinh tế - xã hội cao cũng có tính kế thừa. Hình thái kinh tế - xã hội thấp chuẩn bị những điều kiện cho sự ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, "xã hội mới hình thành trong lòng xã hội cũ".

Ba là, sự phát triển của xã hội loài người vừa có sự tịnh tiến, vừa có bước nhảy vọt; vừa có sự tích lũy về lượng, vừa có sự nhảy vọt về chất. Các cuộc cách mạng xã hội chính là những bước nhảy vọt như vậy.

Và, điều cuối cùng, cần phải nhận thấy rằng, con đường lịch sử - tự nhiên là con đường phổ biến trong sự phát triển của mọi dân tộc, mọi quốc gia. Các dân tộc, các quốc gia ở những thời đại lịch sử khác nhau có thể có những đặc điểm cụ thể khác nhau trong sự phát triển của mình, song cái logic của sự phát triển ấy chính là quá trình lịch sử - tự nhiên. Chính vì vậy, có thể nói, quá trình lịch sử - tự nhiên là cái phổ biến trong sự phát triển của xã hội.

Vậy, theo con đường lịch sử - tự nhiên thì các yếu tố cơ bản cấu thành của một hình thái kinh tế - xã hội, như quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng phải có mối quan hệ với nhau như thế nào? Theo đúng các quy luật khách quan thì khi đó, quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng phải phù hợp với cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất là yếu tố đặc trưng (quyết định) của mỗi loại hình cơ sở hạ tầng. Các yếu tố khác của cơ sở hạ tầng hoặc phụ thuộc vào quan hệ sản xuất, hoặc

không có vai trò đặc trưng. Mặt khác, cũng theo học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội thì tương ứng với mỗi kiểu quan hệ sản xuất nhất định phải có một kiến trúc thượng tầng tương ứng. Chính vì vậy, mối quan hệ thứ hai được thay bằng quan hệ kiến trúc thượng tầng phải phù hợp với quan hệ sản xuất. Từ đó, có thể khẳng định rằng, nếu sự phát triển của xã hội theo đúng logic khách quan của nó thì suy đến cùng, luôn có sự tương ứng giữa ba bộ phận: kiến trúc thượng tầng, quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất là cái quyết định.

Khái quát lịch sử phát triển của xã hội loài người, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nêu lên các thời đại đã thay thế nhau trong lịch sử. C.Mác cho rằng, "về đại thể, có thể coi các phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội"(7). Trong *Chống Duyrinh*, Ph.Ăngghen cũng đã nêu ra các hình thái xã hội: nô lệ, phong kiến, tư sản(8). Còn V.I.Lênin, trong *Bàn về nhà nước* đã phân chia các hình thái kinh tế - xã hội thành: xã hội nguyên thủy, xã hội chiếm hữu nô lệ, chế độ nông nô (chế độ phong kiến - TG.), chế độ tư bản(9). Đồng thời, các ông cũng đã dự đoán rằng, xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định phải nhường chỗ cho xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trung thành với tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, sau này, các nhà lý luận mácxít phân chia xã hội theo các

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.13, tr.16.

(8) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.389-390.

(9) Xem: V.I.Lênin. *Sđđ.*, t.39, tr. 81-82.

hình thái cơ bản sau đây: cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản là hình thái kinh tế - xã hội thay thế cho chủ nghĩa tư bản.

Nhìn một cách tổng quát thì sự thay thế này sẽ diễn ra theo con đường lịch sử - tự nhiên, nghĩa là: Một khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trở nên lỗi thời, nó sẽ bị thay thế bằng một phương thức sản xuất khác cao hơn - phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

## 2. Con đường phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa và công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, con đường phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa *không hề mâu thuẫn* với con đường lịch sử - tự nhiên trong tiến trình phát triển của xã hội loài người mà C.Mác đã đưa ra. Như trên đã trình bày, con đường lịch sử - tự nhiên là con đường phát triển phổ biến của xã hội loài người. Bên cạnh con đường phát triển phổ biến ấy, các quốc gia, dân tộc trong sự phát triển của mình còn có những biểu hiện đặc thù riêng; hơn nữa, tùy theo hoàn cảnh lịch sử - cụ thể mà có thể bỏ qua một hay một vài hình thái kinh tế - xã hội cụ thể. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đã chỉ ra điều này và các ông cũng đưa ra những dự báo về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Tuân theo di sản của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, sau cách mạng dân tộc dân chủ, một loạt nước đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong thời gian đầu, Việt Nam đã thực hiện con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo *mô hình kế hoạch hoá tập trung*. Về đại thể, mô hình này có những đặc trưng cơ bản, như:

- Dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, dưới hai hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể.

- Sản xuất, phân phối và giá cả được quyết định từ bên trên, từ Nhà nước với một kế hoạch tập trung và mang tính pháp lệnh.

- Phân phối mang tính bình quân thông qua hệ thống tem phiếu, cửa hàng mang tính ước lệ, xem nhẹ quan hệ hàng hoá - tiền tệ.

- Nhà nước, các cấp quản lý bằng mệnh lệnh hành chính, ít chú ý tới các liệu pháp kinh tế.

Mô hình trên, trong thời gian đầu, đã thể hiện một số ưu điểm của nó, như:

- Về mặt xã hội, nó đã giải quyết khá tốt các nhu cầu dân sinh vốn khá yếu kém ở các nước chậm phát triển.

- Về mặt nhà nước, nó đã giúp cho việc huy động sức người, sức của cho công cuộc bảo vệ đất nước.

Tuy nhiên, cùng với thời gian, mô hình đó càng ngày càng tỏ ra hạn chế và dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội. Và, chính sự khủng hoảng ấy đã dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, trong đó có cả những luận điểm phủ nhận chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, kiên định với tính khoa

học của nó, đặc biệt là quan niệm duy vật về lịch sử, nhiều Đảng Cộng sản và các nhà nghiên cứu mácxít, khi phân tích tình hình thực tiễn thế giới và đất nước, so sánh với di sản của các nhà kinh điển, đã đi đến kết luận: *Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu chỉ chứng tỏ sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội – mô hình kế hoạch hoá tập trung chứ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội khoa học.* Cũng từ đó, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã tiến hành công cuộc cải cách, đổi mới. Từ năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tiến hành đổi mới toàn diện đất nước. Để tiến hành đổi mới đúng hướng, Đảng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, trong đó có các bài học: 1. Chống chủ quan duy ý chí; 2. Phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Trước hết, cần phải nói rằng, sự thất bại của mô hình cũ xuất phát từ sự chủ quan duy ý chí. Trong một thời gian dài, chúng ta đã tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội theo ý muốn chủ quan, khi nghĩ rằng, với nhiệt tình, với “tấm lòng người cộng sản” là có thể nhanh chóng xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Với suy nghĩ sai lầm đó, chúng ta đã nhanh chóng thiết lập một quan hệ sản xuất có quá nhiều yếu tố vượt xa trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đã đặt ra quá nhiều mục tiêu, nhiệm vụ (theo ước muốn chủ quan) mà trên thực tế, chưa có điều kiện để giải quyết chúng.

Chính cách làm như vậy đã trở thành một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự khủng hoảng, sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu. Đúng như C.Mác đã khẳng định: “Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất

mà hình thái đó dựa trên nó đã phát triển hết sức khả năng của nó và những quan hệ sản xuất xã hội không bao giờ biến mất trước những điều kiện tồn tại của chúng. Quan hệ đó chưa bao giờ biến mất một cách tự nhiên. Cho nên nhân loại không thể đặt ra cho mình những nhiệm vụ mà nó có thể giải quyết được.”

Rõ ràng là, sự thất bại của mô hình cũ sản xuất vượt quá so với thực tế của xã hội, việc thủ tiêu những thành tựu của văn minh tư sản mà chúng vẫn còn giá trị cho phát triển... là xuất phát từ sự chủ quan duy ý chí.

Nhận rõ sai lầm đó, để công cuộc đổi mới đi đúng hướng, Đảng ta đặt ra yêu cầu: Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan mà quan niệm duy vật về lịch sử đã đặt ra. Dựa trên các quy luật khách quan trong sự phát triển của xã hội loài người, căn cứ vào điều kiện đặc thù của Việt Nam và tính chất của thời đại – quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục lựa chọn con đường phát triển: đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn đúng đắn và nhất quán. Tuy nhiên, khác với trước đây, khái niệm “bỏ qua” đã được xác lập một cách cụ thể và chuẩn xác hơn, đó là “... bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản, đặc biệt về khoa học và công nghệ để

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.13, tr.15.

phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại(11).

Khẳng định con đường phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tại Đại hội lần thứ X, Đảng ta đã chỉ rõ: "Trong quá trình đổi mới, phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh"(12).

Ở đây, cần phải nhấn mạnh rằng, con đường phát triển bỏ qua *không được phép mâu thuẫn* với con đường lịch sử – tự nhiên, nghĩa là không được phép vi phạm các quy luật khách quan. Cũng chính vì vậy, cùng với việc lựa chọn con đường phát triển bỏ qua, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới căn bản mô hình phát triển kinh tế trong suốt quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, đó là *mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Để thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tại Đại hội lần thứ X, Đảng ta đã khẳng định: "Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn"(13). Để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới này, chúng tôi cho rằng, trong *quá trình tiếp tục đổi mới tư duy ở Việt Nam*, chúng ta cần chú ý tới các quan hệ sau:

1. Phải đổi mới tư duy một cách toàn diện và đồng bộ các mặt của đời sống xã hội đất nước.

- Cùng với đổi mới tư duy kinh tế, phải đổi mới tư duy toàn diện các mặt khác, như chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học..., trước hết là đổi mới tư duy chính trị theo

kip với đổi mới kinh tế và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cùng với đổi mới tư duy lý luận, phải đổi mới tư duy thực tiễn. Chúng ta phải đổi mới hệ thống chính trị một cách phù hợp với cơ sở kinh tế và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Phải xây dựng một cách đồng bộ các loại thị trường, tôn trọng các quy luật của kinh tế thị trường.

3. Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trong từng bước và trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Phải đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, phát triển nền khoa học, giáo dục, văn hoá tiên tiến.

\*

\* \*

Tính khoa học của quan niệm duy vật về lịch sử đã được khoa học và thực tiễn chứng minh. Việc nhận thức và vận dụng đúng đắn giá trị khoa học của nó vào công cuộc đổi mới đất nước có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Những ý kiến trên chỉ là những suy nghĩ bước đầu nhằm góp phần nhỏ vào việc nhận thức và vận dụng một quan niệm khoa học vào đời sống xã hội và chắc sẽ còn nhiều khiếm khuyết mong độc giả chia sẻ. □

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 84 - 85.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 70.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sdd.*, tr.75.